

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 192/2022/DS-PT

Ngày: 08-8-2022

V/v tranh chấp hợp đồng góp hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nhân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thu;

Ông Trần Quốc Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 tháng 7 và ngày 08 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2022/TLPT-DS ngày 01 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng góp hội.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2022/DS-ST ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 158/2022/QĐ-PT ngày 09 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc Th, sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp 1, xã Th, huyện B, tỉnh Long An.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị Ngọc Ng, sinh năm 1995. Địa chỉ: Số 49, đường Nguyễn Hữu Thọ, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An. Theo giấy ủy quyền ngày 31/3/2022 (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Lê Kim L, sinh năm 1965. Địa chỉ thường trú: Ấp 6, xã Th, huyện B, tỉnh Long An. Chỗ ở và làm việc: Ấp 2, xã B, huyện B, tỉnh Long An (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp 6, xã Th, huyện B, tỉnh Long An (Có mặt).

3.2. Ông Nguyễn Kim H, sinh năm 1973. Địa chỉ: Ấp 1, xã Th, huyện B, tỉnh Long An (Có đơn xin vắng mặt).

3.3. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1965. Địa chỉ: Ấp 6, xã Th, huyện B, tỉnh Long An (Có đơn xin vắng mặt).

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Lê Kim Lan;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, đại diện theo ủy quyền nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc Ng trình bày: Bà Nguyễn Thị Ngọc Th là chủ hội, bà Lê Kim L tham gia chơi hội do bà Th làm chủ hội, cụ thể các dây hội như sau:

1. Dây hội mở ngày 07/11/2019, gồm 20 phần, mỗi phần 3.000.000 đồng/tháng, bà L tham gia 06 phần, bà L đã hốt hội và được bà Th giao hội. Bà L đóng hội lại cho bà Th đến tháng 9/2020, hiện dây hội này bà L còn nợ 09 kỳ với số tiền hội là $09 \text{ kỳ} \times 6 \text{ phần} \times 3.000.000 \text{ đồng} = 162.000.000 \text{ đồng}$.

2. Dây hội mở ngày 10/9/2019, gồm 22 phần, mỗi phần 5.000.000 đồng/tháng, bà L tham gia 07 phần, bà L đã hốt hội và được bà Th giao hội. Bà L đóng hội lại cho bà Th đến tháng 09/2020, hiện dây hội này bà L còn nợ 09 kỳ số tiền hội là $09 \text{ kỳ} \times 7 \text{ phần} \times 5.000.000 \text{ đồng} = 315.000.000 \text{ đồng}$.

3. Dây hội mở ngày 10/12/2019, gồm 22 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng/tháng, bà L tham gia 03 phần, bà L đã hốt hội và được bà Th giao hội. Bà L đóng hội lại cho bà Th đến tháng 09/2020, hiện dây hội này bà L còn nợ 12 kỳ với số tiền hội là $12 \text{ tháng} \times 3 \text{ phần} \times 2.000.000 \text{ đồng} = 72.000.000 \text{ đồng}$.

4. Dây hội mở ngày 15/10/2019, gồm 20 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng/tháng, bà L tham gia 03 phần, bà Lan đã hốt hội và được bà Th giao hội. Bà L đóng hội lại cho bà Th đến tháng 09/2020, hiện dây hội này bà L còn nợ 08 kỳ với số tiền hội là $08 \text{ kỳ} \times 3 \text{ phần} \times 2.000.000 \text{ đồng} = 48.000.000 \text{ đồng}$.

5. Dây hội mở ngày 17/7/2019, gồm 20 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng/tháng, bà L tham gia 03 phần, bà L đã hốt hội và được bà Th giao hội. Bà L đóng hội lại cho bà Th đến tháng 09/2020, hiện dây hội này bà L còn nợ 05 kỳ chưa đóng với tiền hội là $05 \text{ kỳ} \times 3 \text{ phần} \times 2.000.000 \text{ đồng} = 30.000.000 \text{ đồng}$;

6. Dây hội mở ngày 17/7/2019, gồm 20 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng/tháng, bà L tham gia 03 phần, bà L đã hốt hội và được bà Th giao hội. Bà L đóng hội lại cho bà Th đến tháng 09/2020, hiện dây hội này bà L còn nợ 05 kỳ chưa đóng với tiền hội là $05 \text{ kỳ} \times 3 \text{ phần} \times 2.000.000 \text{ đồng} = 30.000.000 \text{ đồng}$;

7. Dây hội mở ngày 17/7/2019, gồm 20 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng/tháng, bà L tham gia 02 phần, bà L đã hốt hội và được bà Th giao hội. Bà L đóng hội lại cho bà Th đến tháng 09/2020, hiện dây hội này bà L còn nợ 05 kỳ chưa đóng với tiền hội là $05 \text{ kỳ} \times 2 \text{ phần} \times 2.000.000 \text{ đồng} = 20.000.000 \text{ đồng}$;

Hiện tất cả các dây hội nêu trên đã mãn hội. Ngày 10/11/2020, bà L có viết giấy tay xác nhận còn nợ bà Th số tiền hội là 677.000.000 đồng, giấy xác nhận này phân liệt kê các dây hội còn thiếu (mặt trước của giấy) là do bà Th viết, còn phần xác nhận nợ hội còn lại (mặt sau trang giấy) số tiền 677.000.000 đồng là do

con gái của bà L là Nguyễn Thị Ngọc D viết, bà L có đọc lại và ký xác nhận, bà Th cũng có đọc và ký tên trong giấy tay này.

Bà L là người trực tiếp chơi hụi và sử dụng số tiền hụi này vào mục đích sinh hoạt trong gia đình, ông Nguyễn Văn Đ là chồng bà L biết rõ bà L chơi hụi của bà Th vì nhà bà L và nhà bà Th ở cùng địa phương, nhiều lần bà Th đến nhà bà L thu hụi thì có mặt ông Đ ở nhà. Do đó, bà yêu cầu vợ chồng bà L, ông Đ có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà số tiền nợ hụi là 677.000.000 đồng. Ngoài ra, bà không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn bà Lê Kim L trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn Đ là vợ chồng, hiện hôn nhân của ông bà vẫn còn tồn tại. Bà xác định giấy tay nhận hụi ngày 10/11/2020 bắt đầu từ cụm từ “thiếu từ ngày 07 đến 17 tháng 10-2020 ...” cho đến “... = 20.000.000” là do bà Th viết, còn mặt sau của giấy tay xác nhận nợ hụi cụm từ “Tổng số tiền hụi ...” cho đến “...hoàn trả lại cho em Thương” là do con gái bà L là Nguyễn Thị Ngọc D viết, bà xác định dòng chữ “tôi có đọc và đồng ý” là của bà, chữ ký, chữ viết “Lê Kim Lan” bên dưới dòng chữ này là của bà.

Bà thừa nhận trước đây bà có chơi nhiều dây hụi do bà Th làm chủ thảo nhưng bà Th chỉ chồng và giao hụi cho bà tổng cộng 03 lần hụi, bà không nhớ số tiền cụ thể, còn tất cả những dây hụi khác bà Th không có chồng và giao hụi cho bà bất kỳ số tiền nào mà do bà Th cân trừ qua tiền lãi đối với khoản vay của bà đối với bà Th trước đó. Bà không thống nhất với số tiền 677.000.000 đồng mà bà Th yêu cầu, sở dĩ con gái bà viết giấy tay nhận hụi nêu trên là viết theo yêu cầu của bà Th vì nếu bà viết xác nhận nợ cho bà Th thì khi đó bà Th mới giao lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà mà trước đây bà đã thế chấp cho bà Th để vay tiền, để bà đi vay tiền hoặc chuyển nhượng cho người khác để lấy tiền trả nợ cho bà Th, nhưng khi con gái bà viết xong giấy xác nhận hụi nêu trên thì bà Th không giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà như đã hứa nên nay bà xác định bà không thống nhất với số tiền mà bà Th khởi kiện và bà không đồng ý với yêu cầu của bà Th. Số tiền bà vay của bà Th và tiền chơi hụi trước đây là để xoay sở công việc trong gia đình và lấy vốn để canh tác đất phục vụ cho kinh tế gia đình nhưng bà là người trực tiếp đứng ra giao dịch.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc D trình bày: Bà là con ruột của bà Lê Kim L và ông Nguyễn Văn Đ. Nội dung trong giấy tay nhận hụi ngày 10/11/2020 bắt đầu từ cụm từ “thiếu từ ngày 07 đến 17 tháng 10-2020.....” cho đến “...= 20.000.000” là do bà Th viết và nội dung xác nhận ở mặt sau giấy tay này bắt đầu bằng cụm từ “Tổng số tiền hụi ...” cho đến “...hoàn trả lại cho em Thương” là do bà viết, lý do bà viết nội dung xác nhận nợ hụi này là do trước đây mẹ của bà có nợ tiền của bà Th và có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Th, gia đình bà xin nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để tìm người bán để trả tiền cho bà Th nhưng bà Th không chịu. Sau đó bà Th nói với gia đình bà là viết giấy tay xác nhận lại nợ vay và nợ hụi theo yêu cầu của bà Th thì bà Th sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ba mẹ bà để ba mẹ bà chuyển nhượng hoặc vay tiền của người khác để trả nợ cho bà Th. Nhưng khi bà và mẹ bà qua nhà bà Th viết và ký tên giấy chốt nợ theo yêu cầu

của bà Th thì bà Th vẫn không giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại cho mẹ của bà.

Bà xác định số tiền 677.000.000 đồng không phải số tiền nợ hui của mẹ bà với bà Th. Phần xác nhận nợ hui là bà viết theo yêu cầu và sự ép buộc của bà Th nên nay bà Th khởi kiện yêu cầu bà và mẹ bà phải trả lại số tiền 677.000.000 đồng thì bà không đồng ý. Ngoài ra, bà không có ý kiến và yêu cầu nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Kim Hg trình bày: Ông là chồng của bà Nguyễn Thị Ngọc Th, hiện hôn nhân của ông bà vẫn còn tồn tại. Ông thống nhất với lời trình bày của Th. Do vợ ông là người trực tiếp tổ chức hui, thu tiền và giao tiền hui cho các hui viên nên ông để vợ ông được toàn quyền quyết định trong vụ án này, mọi quyết định của vợ ông đều là quyết định của ông. Ngoài ra, ông không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Ông là chồng của bà Lê Kim L, hiện hôn nhân của ông bà vẫn còn tồn tại. Ông xác định trước đây bà L có vay tiền và chơi hui do bà Nguyễn Thị Ngọc Th làm chủ thảo nhưng số tiền nợ hui với tiền vay giữa vợ ông và bà Th đã chốt lại trong giấy nợ trước đây và đã được Tòa án giải quyết bằng quyết định công nhận sự thỏa thuận rồi.

Việc bà Lan trực tiếp tham gia hui và góp hui cụ thể như thế nào với bà Th thì ông không biết, do ông canh tác đất và sinh sống tại đất ở ấp 2, xã Bình Đức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An còn vợ ông thì ở cùng các con tại ấp 6, xã Thạnh Đức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Thời gian sau này thì bà L mới cùng lên đất sống với ông. Đối với giấy tay nhận hui có phải do con gái ông viết và vợ ông ký tên hay không thì ông không rõ. Nay bà Th khởi kiện yêu cầu ông cùng với bà Lan phải trả lại số tiền 677.000.000 đồng thì ông không đồng ý vì ông không biết số tiền hui này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức đã tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc Th.

1. Buộc bà Lê Kim L và ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị Ngọc Th số tiền nợ hui là 677.000.000 đồng (sáu trăm bảy mươi bảy triệu đồng).

2. Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Buộc bà Lê Kim L, ông Nguyễn Văn Đ phải liên đới chịu 31.080.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc Th số tiền 15.540.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008414 ngày 12/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và hướng dẫn thi hành án.

Ngày 03/5/2022 bà Lê Kim L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thương.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn bà Lê Kim L trình bày thừa nhận có tham gia chơi 07 dây hội như nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Th trình bày, nhưng bà thực sự chỉ có hót hội và còn nợ hội các dây hội như sau:

1. Dây hội mở ngày 10/9/2019, gồm 22 phần, mỗi phần 5.000.000 đồng, mỗi tháng khai hội một lần, bà tham gia 03 phần, bà hót hội đầu và được bà Th giao số tiền 231.000.000 đồng. Sau đó bà đóng hội và hiện còn nợ bà Th 9 kỳ với số tiền là: 09 kỳ x 3 phần x 5.000.000 đồng = 135.000.000 đồng.

2. Dây hội mở ngày 07/11/2019, gồm 20 phần, mỗi phần 3.000.000 đồng, mỗi tháng khai hội một lần, bà tham gia 02 phần. Dây hội này bà còn nợ bà Th 9 kỳ với số tiền là: 09 kỳ x 2 phần x 3.000.000 đồng = 54.000.000 đồng.

3. Dây hội mở ngày 17/7/2019, gồm 20 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng, mỗi tháng khai hội một lần, bà tham gia 02 phần. Dây hội này bà đóng lại đến kỳ thứ 15, hiện còn nợ bà Th 5 kỳ với số tiền là: 05 kỳ x 2 phần x 2.000.000 đồng = 20.000.000 đồng.

Riêng các dây hội khác và các phần hội khác, bà có tham gia chơi nhưng khi hót hội bà phải cản trừ trả lãi của số tiền mà bà đã vay của bà Th trước đó. Nay bà chỉ đồng ý chỉ còn nợ và trả bà Th số tiền hội 209.000.000 đồng.

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc Ng trình bày khẳng định bà Lê Kim L có tham gia 07 dây hội và hiện còn nợ số tiền 677.000.000 đồng. Do thời gian đã lâu, các dây hội đã mãn, sau khi làm giấy chốt nợ, bà Th đã làm thất lạc các giấy tờ tài liệu liên quan nên không làm tường trình cụ thể các dây hội theo yêu cầu. Nay bà Nguyễn Thị Kim Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc D trình bày: Bà thừa nhận giấy tay nhận hội ngày 10/11/2020 bắt đầu từ cụm từ “thiếu từ ngày 07 đến 17 tháng 10-2020.....” cho đến “...= 20.000.000” là do bà Th viết và nội dung xác nhận ở mặt sau giấy tay này bắt đầu bằng cụm từ “Tổng số tiền hội ...” cho đến “...hoàn trả lại cho em Thương” là do bà viết và mẹ bà (bà Lê Kim Lan) ký tên. Do trước đây mẹ của bà có nợ tiền của bà Th và có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Th, gia đình bà xin nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bà Th không chịu. Sau đó bà Th nói với gia đình bà là viết giấy tay xác nhận lại nợ hội theo yêu cầu của bà Th thì bà Th sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng khi bà và mẹ bà qua nhà bà Th viết và ký tên giấy chốt nợ theo yêu cầu của bà Th thì bà Th vẫn không giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại cho mẹ của bà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Kháng cáo của bà L đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Bà Lê Kim L kháng cáo không đồng ý trả số tiền hui 677.000.000đ cho bà Th mà chỉ đồng ý trả 209.000.000đ, thấy rằng: Tại cấp sơ thẩm bà L thừa nhận trước đây có tham gia các dây hui do bà Th làm chủ thảo nhưng bà Th chỉ giao cho bà tổng cộng 03 lần hui, bà không nhớ số tiền cụ thể, còn lại là bà Th cản trừ qua tiền lãi đối với khoản vay của bà đối với bà Th trước đó.

Ngày 10/11/2020 bà Nguyễn Thị Ngọc D là con của bà Lê Kim L có viết giấy nhận hui: *“Tổng số tiền hui Lê Kim Lan chưa đóng cho em Thương là 677.000.000đ, tính từ tháng 10/2020 về sau, Tôi sẽ cố gắng tìm cách giải quyết, hoàn trả lại cho em Thương”*. Bà Lê Kim L có đọc và đồng ý ký tên.

Bà L và bà D không chứng cứ chứng minh bà Th ép buộc bà D viết giấy nợ và bà Lan ký tên. Tại phiên tòa phúc thẩm bà L và bà D thừa nhận bà Diễm viết giấy nợ hui và bà L ký tên nhưng bà L cho rằng bà Th đã cản trừ tiền hui sang tiền lãi vay mà bà đã vay bà Th nhưng bà L không cung cấp chứng cứ chứng minh về việc cản trừ cho lời trình bày của mình.

Do đó bản án sơ thẩm tuyên buộc bà L và ông Đ trả cho bà Th số tiền 677.000.000 đồng là có căn cứ. Kháng cáo của bà L là không có cơ sở để được chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Kim L. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bà Lan đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về việc giải quyết yêu cầu kháng cáo của bà Lê Kim Lan:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lê Kim L thừa nhận có tham gia chơi 07 dây hui như nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Th, nhưng bà thực sự chỉ có hót hui và còn nợ hui các dây hui như sau: Dây hui mở các ngày 17/7/2019, 10/9/2019 và ngày 07/11/2019 và đồng ý trả lại bà Th số tiền hui còn nợ của 03 dây hui trên là 209.000.000 đồng. Tuy nhiên, sổ đóng hui do bà L cung cấp gồm 14 trang, thể hiện việc bà L chơi và đóng hui với bà Th, các dây hui như sau:

- Trang 01: Thể hiện bà Lan hót đầu 03 phần của dây hui mở ngày 17 tháng 7 năm 2019;

- Trang 13: Thể hiện bà L đóng số tiền hui tổng cộng là 73.150.000 đồng, trong đó: Đóng 01 phần sống, 04 phần chết của dây hui ngày 07/11/2019; Đóng 06 phần chết, 01 phần sống của dây hui ngày 10/9/2019; Đóng 01 phần chết, 02

phần sống của dây hụi ngày 10/12/2019; Đóng 01 phần chết, 02 phần sống của dây hụi ngày 15/10/2019 và Đóng 07 phần chết của dây hụi ngày 17/7/2019;

- Trang 14: Thể hiện bà L số tiền hụi tổng cộng là 74.380.000 đồng, trong đó: Đóng 01 phần sống, 05 phần chết của dây hụi ngày 07/11/2019; Đóng 06 phần chết của dây hụi ngày 10/9/2019; Đóng 01 phần chết, 02 phần sống của dây hụi ngày 10/12/2019; Đóng 01 phần chết, 02 phần sống của dây hụi ngày 15/10/2019 và đóng 08 phần chết của dây hụi ngày 17/7/2019;

Qua sổ đóng hụi do bà L cung cấp cùng lời trình bày của bà L tại phiên tòa, có căn cứ xác định bà L có tham gia chơi các dây hụi với bà Thương, như sau: Dây hụi ngày 07/11/2019 gồm 20 phần, mỗi phần 3.000.000 đồng, bà L tham gia chơi 06 phần; Dây hụi ngày 10/9/2019 gồm 22 phần, mỗi phần 5.000.000 đồng, bà L tham gia chơi 07 phần; Dây hụi ngày 10/12/2019 gồm 22 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng, bà L tham gia chơi 03 phần; Dây hụi ngày 15/10/2019 gồm 20 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng, bà L tham gia chơi 03 phần và 03 Dây hụi ngày 17/7/2019, mỗi dây 20 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng, bà L tham gia chơi 02 dây mỗi dây 03 phần và tham gia chơi 01 dây 02 phần.

Tại phiên tòa, bà L cho rằng bà đóng hụi đến hết tháng 09/2020 phù hợp với nội dung giấy xác nhận hụi ngày 10/11/2020: “*Tổng tiền hụi tôi Lê Kim L chưa đóng cho em Th là 677.000.000 đồng. Tính từ tháng 10/2020 trở về sau. Tôi sẽ cố gắng tìm cách giải quyết để hoàn trả cho em Th, tôi có đọc và đồng ý*”. Như vậy, tính từ tháng 10/2020 đến khi mãn hụi, số kỳ bà L phải đóng của các dây hụi như sau: Dây hụi ngày 17/7/2019, bà L còn 05 kỳ chưa đóng; Dây hụi ngày 10/9/2019, bà L còn 09 kỳ chưa đóng; Dây hụi ngày 15/10/2019, bà L còn 08 kỳ chưa đóng; Dây hụi ngày 07/11/2019, bà L còn 09 kỳ chưa đóng và Dây hụi ngày 10/12/2019, bà L còn 12 kỳ chưa đóng;

Ngoài ra, tại phiên tòa bà Lê Kim L cũng thừa nhận giấy tay nhận hụi ngày 10/11/2020 bắt đầu từ cụm từ “thiếu từ ngày 07 đến 17 tháng 10-2020....” cho đến “...= 20.000.000” là do bà Th viết, còn mặt sau của giấy tay xác nhận nợ hụi cụm từ “Tổng số tiền hụi ...” cho đến “... hoàn trả lại cho em Thương” là do con gái bà là Nguyễn Thị Ngọc D viết, bà xác định dòng chữ “tôi có đọc và đồng ý” là của bà, chữ ký, chữ viết “Lê Kim Lan” bên dưới dòng chữ này là của bà nhưng bà cho rằng, bà bị ép buộc ký giấy tay xác nhận hụi này. Tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai ngày 06/4/2022, người làm chứng ông Lê Văn D xác nhận không có việc ép buộc tại thời điểm viết giấy xác nhận hụi giữa bà Th và bà L.

Như vậy, có cơ sở xác định bà Lê Kim L có tham gia chơi 07 dây hụi với bà Th và hiện còn nợ số tiền hụi chưa đóng là 667.000.000 đồng như yêu cầu khởi kiện của bà Thương. Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết buộc bà L phải trả cho bà Th số tiền hụi còn nợ là 677.000.000 đồng là có căn cứ.

[4] Từ những nhận định trên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L. Quan điểm phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Kim L;

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2022/DS-ST ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, 148, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 16 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/12/2019 của Chính phủ; Điều 26; Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc Th.

1. Buộc bà Lê Kim L và ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị Ngọc Th số tiền nợ hui là 677.000.000 đồng (sáu trăm bảy mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc bà Lê Kim L, ông Nguyễn Văn Đ phải liên đới chịu 31.080.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc Th số tiền 15.540.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008414 ngày 12/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Kim L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0008691 ngày 04/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Trần Trọng Nhân